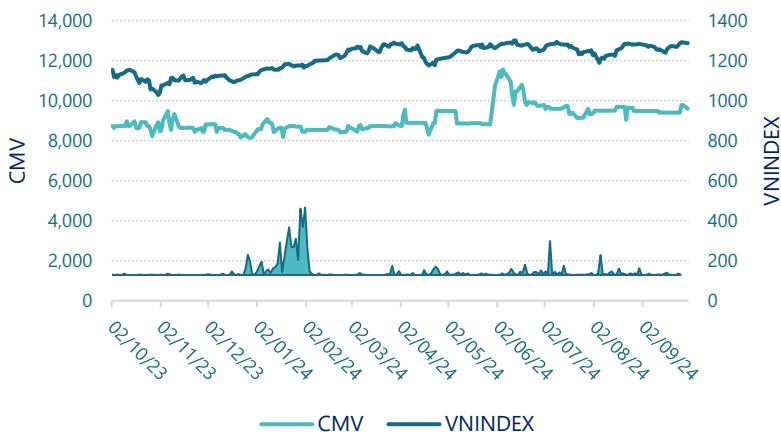




CTCP Thương nghiệp Cà Mau (HSX: CMV)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	9,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,558
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,134
SL cổ phiếu LH	18,155,868
KLGD BQ 20 phiên (CP)	100
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	174
P/E	13.4
EPS	717

DT thuần

Q3/24

1,114

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.00 | -0.3%

YoY: ▲6.00 | 0.5%

LN sau thuế

Q3/24

0.23

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.63 | -93.9%

YoY: ▼3.25 | -93.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

0.3%

+/- YoY: ▼0.4%

DT thuần

9T 2024

3,394

tỷ VNĐ

YoY: ▲261 | 8.4%

LN sau thuế

9T 2024

6.98

tỷ VNĐ

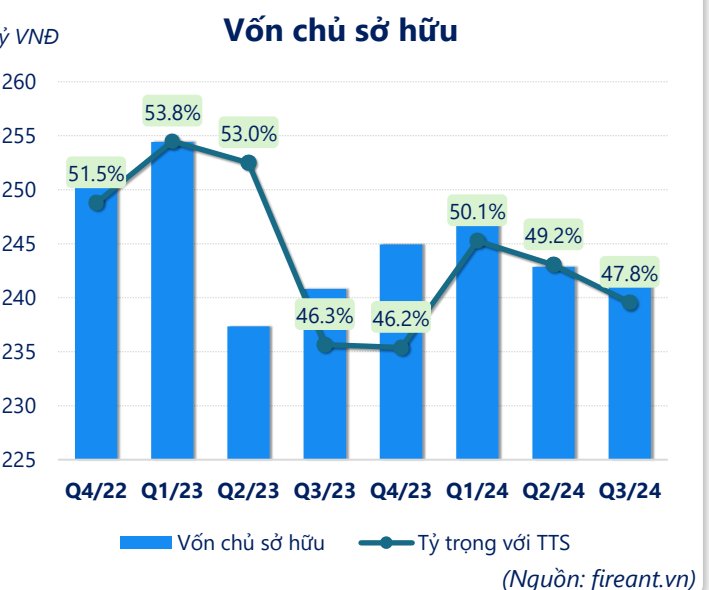
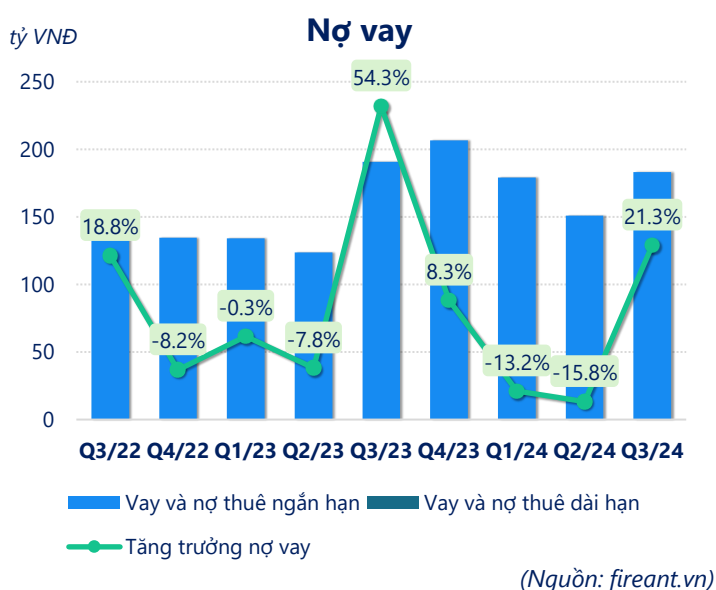
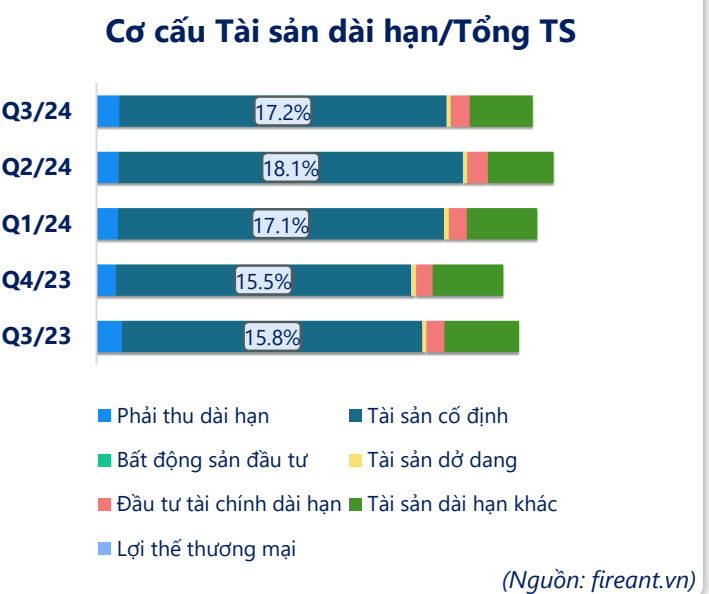
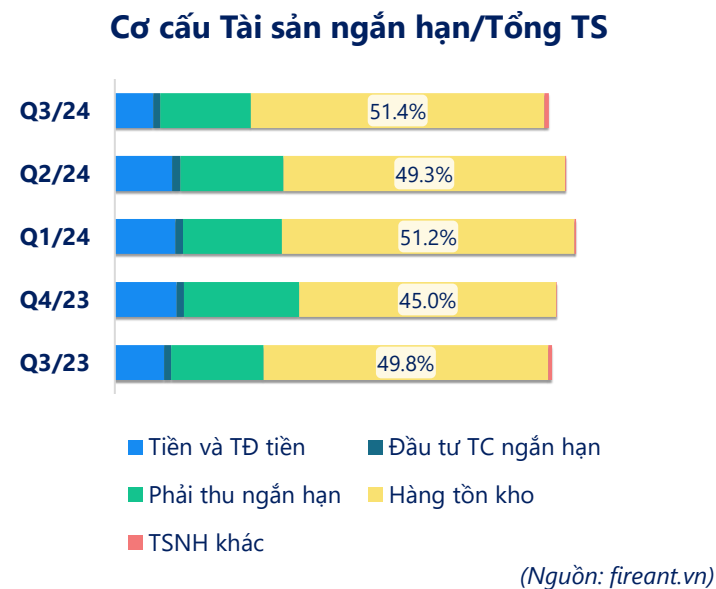
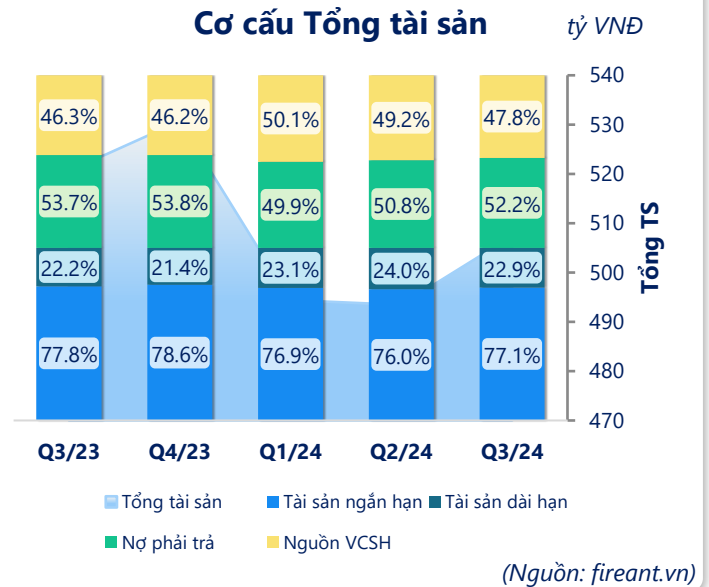
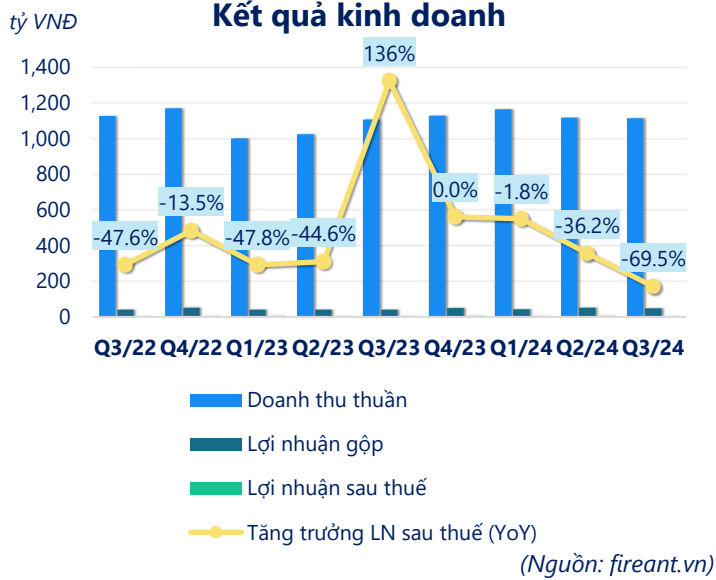
YoY: ▼3.82 | -35.2%

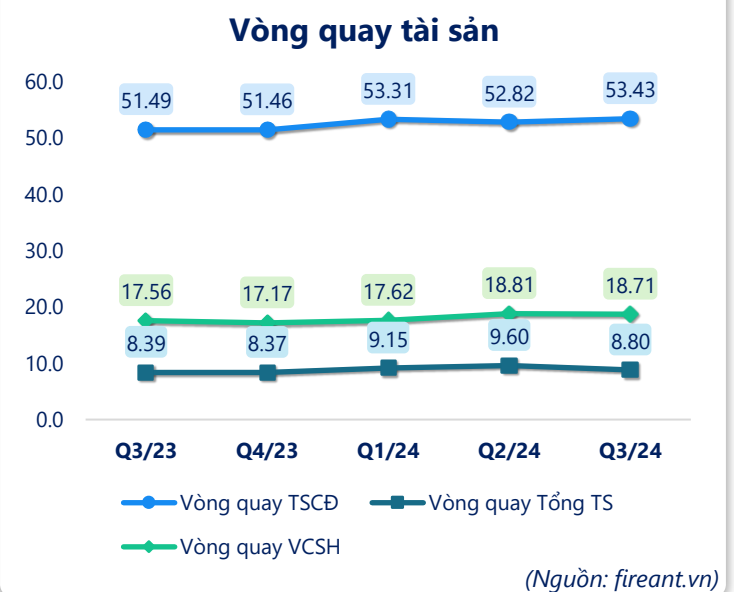
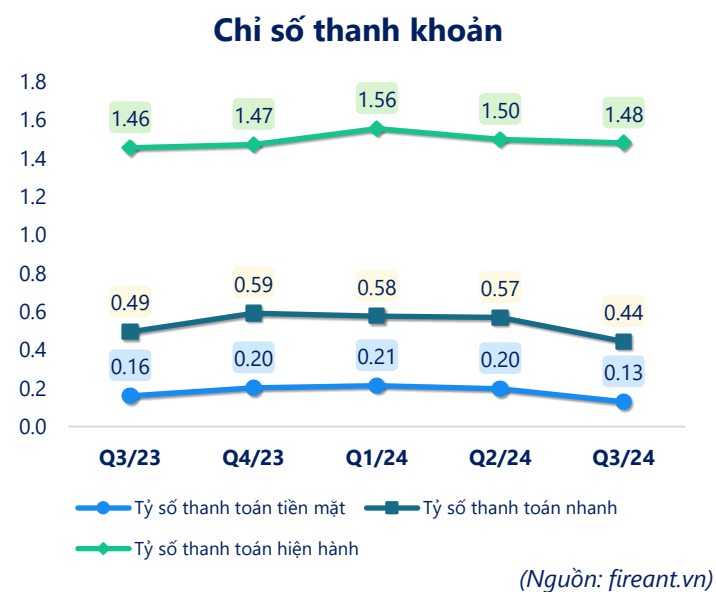
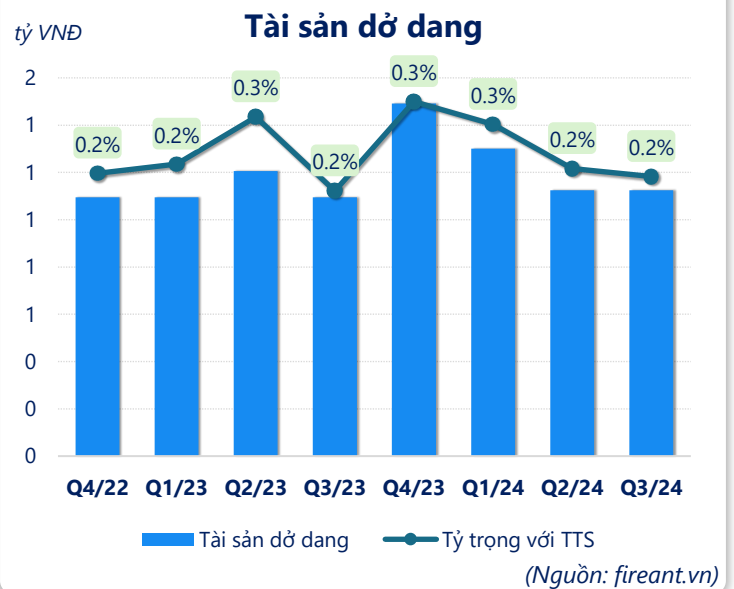
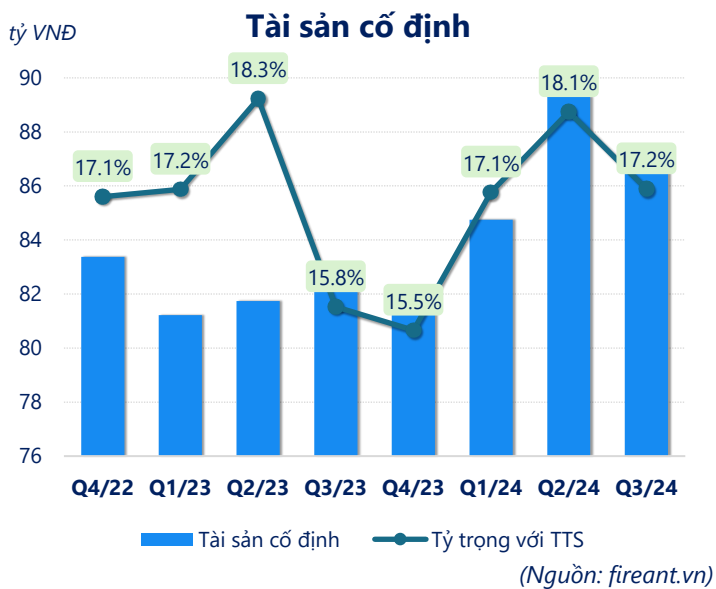
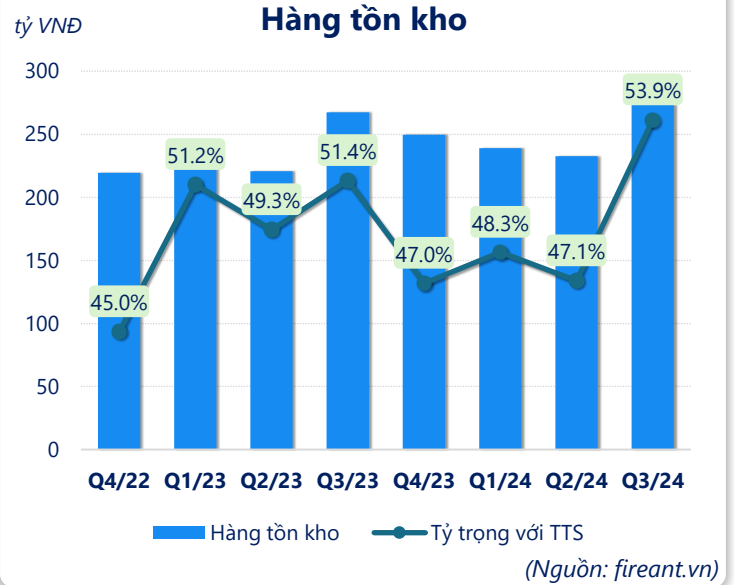
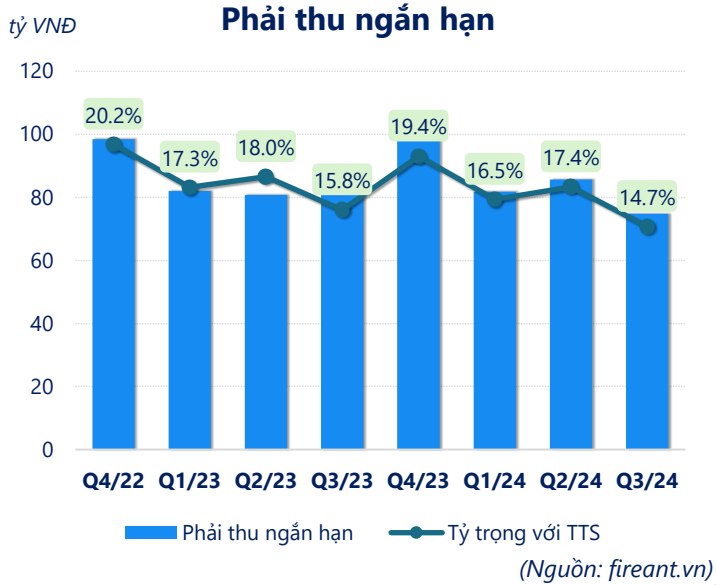
ROE

Q3/24

5.4%

+/- YoY: ▼0.3%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	521	531	494	493	507
Tài sản ngắn hạn	405	417	380	375	391
Tiền và tương đương tiền	44.8	57.3	52.2	49.5	34.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.40	6.40	6.40	6.40	6.40
Phải thu ngắn hạn	82.5	103	81.7	85.6	74.8
Hàng tồn kho	267	250	239	233	274
Tài sản ngắn hạn khác	3.88	1.15	0.67	0.82	2.01
Tài sản dài hạn	116	113	114	118	116
Phải thu dài hạn	6.98	5.40	5.46	5.69	6.09
Tài sản cố định	82.1	82.2	84.7	89.3	87.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.09	1.49	1.30	1.12	1.12
Đầu tư tài chính dài hạn	4.89	4.55	4.62	5.29	5.03
Tài sản dài hạn khác	20.4	19.6	18.3	17.0	16.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	280	286	247	251	265
Nợ ngắn hạn	278	283	244	250	264
Vay và nợ thuê ngắn hạn	191	207	179	151	183
Phải trả người bán ngắn hạn	56.0	51.6	43.9	65.1	52.2
Nợ dài hạn	1.40	2.26	2.32	0.45	0.48
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	241	245	248	243	243
Vốn chủ sở hữu	241	245	248	243	243
Vốn điều lệ	182	182	182	182	182
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)